TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2018 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn P, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp A, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Võ Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P và chị Đ sống chung từ năm 2011, đến nay không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, chị Đ tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Anh P nhiều lần khuyên ngăn, năn nỉ chị Đ trở về nhưng chị Đ không về. Từ đó, anh P và chị Đ đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Vợ chồng hiện nay không còn quan tâm nhau nữa, tình cảm

vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay anh P yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

- Về nuôi con: Có 02 con chung tên Võ Văn B, sinh ngày 25/3/2012 và Võ Nhật T, sinh ngày 04/9/2014. Hiện do chị Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh P đồng ý để cho chị Đ tiếp tục nuôi con chung, anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị Đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 11/9/2018 và tại phiên tòa, bị đơn là chị Phạm Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đ thừa nhận lời trình bày của anh P về thời gian chung sống cũng như việc chị và anh P không đăng ký kết hôn là đúng. Nay giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống được nữa nên chị Đ đồng ý ly hôn với anh P.

- Về nuôi con: Có 02 con chung tên Võ Văn B, sinh ngày 25/3/2012 và Võ Nhật T, sinh ngày 04/9/2014, hiện do chị Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng đối với mỗi con chung là ½ tháng lương cơ sở đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh P và chị Đ đã thống nhất được các nội dung sau:

- Về hôn nhân: Anh P và chị Đ chung sống như vợ chồng từ năm 2011 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh P yêu cầu ly hôn, chị Đ đồng ý.

- Về nuôi con: Chị Phạm Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn B, sinh ngày 25/3/2012 và Võ Nhật T, sinh ngày 04/9/2014. Anh Võ Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung Võ Văn B và Võ Nhật T hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu B và cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Trích lục khai sinh Võ Nhật T, sinh ngày 04/9/2014 (Bản sao);
- Giấy khai sinh Võ Văn B, sinh ngày 25/3/2012 (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh P và chị Đ sống chung từ năm 2011, không đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh P và chị Đ có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay giữa anh P và chị Đ đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh P yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị Đ.

[2] Về nuôi con: Anh P và chị Đ trình bày có 02 con chung tên Võ Văn B, sinh ngày 25/3/2012 và Võ Nhật T, sinh ngày 04/9/2014, hiện do chị Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh P và chị Đ thống nhất để chị Đ tiếp tục nuôi hai con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp nhằm không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt và học tập của hai cháu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của anh P và chị Đ.

[5] Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Đ yêu cầu anh P cấp dưỡng mỗi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh P đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Đ. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận của anh P và chị Đ phù hợp quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Anh P và chị Đ trình bày không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân*:* Không công nhận anh Võ Văn P và chị Phạm Thị Đ là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của anh P và chị Đ về việc chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn B, sinh ngày 25/3/2012 và Võ Nhật T, sinh ngày 04/9/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của anh P và chị Đ về việc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, P thức cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng cho mỗi con chung Võ Văn B và Võ Nhật T là ½ mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu B và cháu T đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Anh P và chị Đ trình bày không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000651 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh Võ Văn P còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao L;
- CC THADS H. Cao L;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo